

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN
NĂM 2017

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82 Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809 *đính kèm Báo cáo tài chính*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông:

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại tin học Toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 09 năm 2017. Theo đó:

Vốn Điều lệ của Công ty: 80.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Toà nhà Infonet, Số 33 phố Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Phòng 501 toà nhà Infonet số 33 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Phần mềm truyền thông (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%) (*)	Tầng 4, số 31B/151A phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

(*) Đã giải thể doanh nghiệp hoàn thành.

Chi nhánh

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông	Lầu 6 Tòa nhà Phoenix, 18-20, Phước Hưng, phường 8, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun nước, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;
- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Cung cấp các giải pháp tin học;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn chuyên gia công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

- | | |
|----------------------|---------------|
| 1 Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Lê Ngọc Tú | Ủy viên |
| 3 Ông Phạm Duy Hùng | Ủy viên |
| 4 Ông Phạm Ngọc Sơn | Ủy viên |
| 5 Ông Lê Trọng Đại | Ủy viên |

B Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1 Ông Lê Ngọc Tú | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông Nguyễn Đức Thuận | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Phạm Ngọc Sơn | Phó Tổng Giám đốc |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo.

Đại diện

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông



Tổng Giám đốc
Lê Ngọc Tú

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 24 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 113/2018/BCKT/BCTC-CPA HA NOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2017

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông được lập ngày 01/03/2018 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Công nghệ mạng và truyền thông tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị. Tổng công nợ phải thu của đơn vị là 171.491.412.829 đồng đơn vị đã thực hiện đối chiếu công nợ và có xác nhận đầy đủ của khách hàng. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi cũng đã tiến hành làm thủ tục gửi thư xác nhận và các thủ tục thay thế bổ sung nhằm chứng minh khoản mục phải thu của đơn vị. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất chúng tôi vẫn chưa nhận được phản hồi của thư xác nhận.

Báo cáo tài chính được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2018

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
(CPAHANOI)**

Tổng Giám đốc



Lê Văn Dò

Giấy CNDKHNKT số: 0231-2018-016-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Giấy CNDKHNKT số: 1695-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227.087.209.224	292.558.428.572
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	37.395.753.129	28.009.009.393
1. Tiền	111		27.395.753.129	23.009.009.393
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		171.491.412.829	173.629.806.976
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	163.495.992.951	130.107.159.266
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	6.114.815.500	18.701.004.155
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.276.017.699	23.217.056.876
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(395.413.321)	(395.413.321)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	18.153.186.044	88.346.876.089
1. Hàng tồn kho	141		18.153.186.044	88.346.876.089
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.857.222	2.572.736.114
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	16.622.652	2.396.113.836
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16b	30.234.570	176.622.278
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.167.347.086	37.281.412.635
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		57.829.529	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	57.829.529	-
II. Tài sản cố định	220		28.423.919.702	26.397.991.793
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	2.947.169.702	671.404.991
- Nguyên giá	222		7.575.695.622	4.878.117.684
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.628.525.920)	(4.206.712.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.476.750.000	25.726.586.802
- Nguyên giá	228		37.950.882.207	37.950.882.207
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.474.132.207)	(12.224.295.405)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	10.574.119.109	8.324.304.553
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.574.119.109	8.324.304.553
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	2.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	1.000.000.000	2.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		111.478.746	59.116.289
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	111.478.746	59.116.289
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		267.254.556.310	329.839.841.207

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.353.250.611	193.236.441.139
I. Nợ ngắn hạn	310		120.508.794.212	182.357.818.791
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	44.300.724.571	35.576.322.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	20.024.504.373	57.560.105.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	4.211.941.631	198.413.779
4. Phải trả người lao động	314		2.533.083.212	1.988.793.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	-	356.601.292
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	365.322.134	311.976.155
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	43.791.750.570	81.808.731.298
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.281.467.721	4.556.875.165
II. Nợ dài hạn	330		3.844.456.399	10.878.622.348
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	-	7.758.758.505
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.844.456.399	3.119.863.843
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.901.305.699	136.603.400.068
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	142.901.305.699	136.603.400.068
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(5.233.803.523)	(5.233.803.523)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.011.828.236	27.577.384.062
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.248.499.290	1.886.203.012
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		32.874.781.696	32.373.616.517
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.127.690.953	25.209.069.080
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.747.090.743	7.164.547.437
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		267.254.556.310	329.839.841.207

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Minh

Nguyễn Thị Hoa

Lê Ngọc Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
	1	3	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	391.004.637.762	446.137.417.351
2.	Các khoản giảm trừ	VI.02	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VI.03	391.004.637.762	446.137.417.351
4.	Giá vốn hàng bán	VI.04	356.541.311.706	405.821.328.589
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		34.463.326.056	40.316.088.762
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.05	1.970.126.975	599.464.695
7.	Chi phí tài chính	VI.06	4.546.612.789	6.993.789.425
	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.562.429.943	5.152.955.685
8.	Chi phí bán hàng		2.093.261.828	4.652.453.952
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		19.453.617.527	24.455.538.606
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.339.960.887	4.813.771.474
11.	Thu nhập khác	VI.07	46.514	5.077.722.206
12.	Chi phí khác	VI.08	314.434.615	592.418.305
13.	Lợi nhuận khác		(314.388.101)	4.485.303.901
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.025.572.786	9.299.075.375
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	2.260.482.043	2.134.527.938
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.765.090.743	7.164.547.437
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



Trần Thị Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám đốc

Lê Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	5	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	347.046.326.926	400.758.489.322
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(277.901.260.388)	(416.156.813.687)
3. Tiền trả cho người lao động	03	(8.889.496.264)	(9.749.483.219)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.919.031.235)	(5.107.970.683)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(1.541.774.651)	(5.188.164.099)
6. Tiền thu khác từ các hoạt động kinh doanh	06	41.052.580.408	86.353.319.438
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(43.844.380.910)	(87.227.396.278)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>52.002.963.886</i>	<i>(36.318.019.206)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi do mua sắm TSCĐ, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác	21	(342.960.485)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.294.529.651	-
7. Thu lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	207.949.916	426.404.863
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>3.159.519.082</i>	<i>12.426.404.863</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	123.200.641.984	258.914.233.441
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(168.976.381.216)	(233.933.000.000)
5. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(45.775.739.232)</i>	<i>24.981.233.441</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>9.386.743.736</i>	<i>1.089.619.098</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.009.009.393	26.918.948.254
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		442.041
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	37.395.753.129	28.009.009.393

Người lập biểu

Trần Thị Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại tin học Toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 09 năm 2017. Theo đó:

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Phòng 501, Toà nhà Infonet, Số 33 phố Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Công ty TNHH MTV Phần mềm truyền thông (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%) (*)	Tầng 4, số 31B/151A phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

(*) Đã giải thể doanh nghiệp xong hoàn thành.

Chi nhánh

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông	Lâu 6 Tòa nhà Phoenix, 18-20, Phước Hưng, phường 8, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun nước, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Cung cấp các giải pháp tin học;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);

4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.
3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty tuyên bố Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

6. Nguyên tắc kế toán TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Thiết bị quản lý	05 năm
Phần mềm quản lý	03 - 07 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Số cuối Năm	Số đầu năm
1. Tiền		
Tiền mặt	745.482.234	1.120.228.683
Văn phòng Công ty	720.329.193	1.120.228.683
Chi nhánh	25.153.041	-
Tiền gửi ngân hàng	26.650.270.895	21.888.780.710
- Tiền gửi VNĐ	26.509.477.921	21.825.824.530
<i>Văn phòng Công ty</i>	26.509.477.921	21.825.824.530
Ngân hàng TMCP Quân Đội	17.909.878.227	15.821.248.120
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Hà Tây	50.487.413	50.265.761
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	112.758.259	514.335.758
Công ty CP Chứng khoán FPT	6.595	6.595
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	3.334.426	3.334.426
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	135.291.754	137.852.192
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	8.237.088.009	5.279.856.678
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	60.633.238	18.925.000
- Tiền gửi USD	72.777.802	62.956.180
Ngân hàng TMCP Quân Đội	72.777.802	62.956.180
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	10.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.000.000.000	5.000.000.000
<i>Chi nhánh công ty</i>	68.015.172	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	68.015.172	-
Cộng	37.395.753.129	28.009.009.393
2. Phải thu của khách hàng	Số cuối Năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	163.495.992.951	130.107.159.266
Công An Thành phố Hà Nội	4.255.095.382	
Công ty công nghệ thông tin điện lực Miền Bắc	6.213.114.786	44.609.420.640
Tổng công ty hạ tầng mạng	14.923.627.000	8.965.440.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	12.416.540.000	29.842.382.252
Công ty TNHH STARVIEW Việt Nam	5.230.859.126	5.230.859.126
Viện chiến lược Khoa học Công An		1.622.178.476
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		16.507.985.544
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam		12.312.000.000
Viện nghiên cứu và Phát triển Viettel	1.999.443.767	9.112.376.104
Tổng công ty truyền thông	4.253.320.000	
Tổng cục hậu cần - kỹ thuật Bộ Công an	38.416.500.774	-
Cục công nghệ thông tin và TK Hải Quan	8.756.522.500	-
NH TMCP Công thương Việt Nam		-
Ngân hàng chính sách xã hội	17.999.199.900	
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	26.829.280.000	
Trung tâm điều độ điện Quốc gia Việt Nam	7.865.746.240	
Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy	10.251.943.720	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNGĐịa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho năm tài chính
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	2.147.138.987	-
Văn phòng BCA	1.045.197.785	1.045.197.785
Các đối tượng khác	892.462.984	859.319.339
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	163.495.992.951	130.107.159.266

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối Năm	Số đầu năm
CN Cty TNHH DV giao nhận hàng hoa Mặt trời toàn cầu	358.217.157	-
Công ty CP Bền	31.508.999	31.508.999
TELCOM NETWORKS ASIA		607.115.514
Công ty CP Du lịch hữu hạn làng Nghi Tàm	46.212.500	46.212.500
Netpoleon IndoChina Pte Ltd		567.500.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ MW Việt		378.247.207
Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại Bảo Sơn	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH Giải pháp nền tảng thông tin và truyền thông (NT&T)	987.930.756	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K		55.000.000
Công ty TNHH MTV công nghệ và dịch vụ Phương Tây	3.122.057.460	15.010.551.660
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ thư viện T&T	50.875.000	50.875.000
Công ty CP Công nghệ Tinh Vân	746.248.000	-
Công ty CP phát triển phần mềm và hỗ trợ công nghệ	90.000.000	-
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo Công nghệ thông tin VNE	127.380.000	-
Công ty Cổ phần thông tin Hà Việt	142.800.000	-
Công ty TNHH phát triển đầu tư và thương mại A.I.P	141.350.000	-
Specialised Products	210.235.628	-
Tadiran Telecom Business Systems Ltd		226.532.153
Công ty TNHH Phân phối FPT		96.305.000
Công ty Luật TNHH Minh Khuê		11.000.000
Công ty TNHH Starview Việt Nam		399.938.000
Các đối tượng khác		1.160.218.122
Cộng	6.114.815.500	18.701.004.155

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty CP Bất động sản BIGHOMES _ BIGSHOMES

Cộng

Số cuối Năm	Số đầu năm
-	2.000.000.000
-	2.000.000.000

5. Phải thu khác

Số cuối Năm		Số đầu năm	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

a. Ngắn hạn	2.276.017.699	-	23.217.056.876	-
Tạm ứng	350.953.976	-	244.053.976	-
Các khoản phải thu khác	1.925.063.723	-	1.933.425.806	-
<i>Cty TNHH Công nghệ ISI</i>	<i>1.874.166.300</i>	-	<i>1.874.166.300</i>	-
<i>Thuế TNCN phải thu CBNV</i>	<i>28.950.211</i>	-	<i>28.950.211</i>	-
<i>Dư Nợ TK3388</i>		-	-	-
<i>BHXX</i>	<i>12.427.268</i>	-	<i>12.928.987</i>	-
<i>Chi cục Hải quan bưu điện Hà Nội</i>		-	<i>7.920.455</i>	-
<i>Công ty điện lực Đống Đa</i>		-	<i>7.860.364</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>9.519.944</i>	-	<i>1.599.489</i>	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-	21.039.577.094	-
b. Dài hạn	57.829.529	-	-	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	57.829.529	-	-	-
Cộng	2.333.847.228	-	23.217.056.876	-

6. Nợ xấu trích lập dự phòng

	Số dự phòng cuối Năm	Số trích thêm trong Năm	Số hoàn nhập trong Năm	Số dự phòng đầu năm
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(395.413.321)	-	-	(395.413.321)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối Năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SX, KD dở dang	15.430.802.449	-	2.724.310.554	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	2.722.383.595	-	85.622.565.535	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	18.153.186.044	-	88.346.876.089	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối Năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>16.622.652</i>	<i>2.396.113.836</i>
Thuế GTGT được khấu trừ	16.622.652	2.396.113.836
<i>Dài hạn</i>	-	-
Cộng	16.622.652	2.396.113.836

9. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>	
Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	25.476.750.000	12.474.132.207	37.950.882.207	
Tăng trong năm	-	-	-	
Giảm trong năm	-	-	-	
<i>Số dư cuối năm</i>	25.476.750.000	12.474.132.207	37.950.882.207	
Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>		12.224.295.405	12.224.295.405	
Khấu hao trong Năm	-	249.836.802	249.836.802	
Giảm trong Năm	-	-	-	
<i>Số dư cuối Năm</i>		12.474.132.207	12.474.132.207	
Giá trị còn lại				
<i>Số dư đầu năm</i>	25.476.750.000	249.836.802	25.726.586.802	
<i>Số dư cuối Năm</i>	25.476.750.000	-	25.476.750.000	
11. Chi phí XDCB dở dang		<u>Số cuối Năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Văn phòng công ty tại 33 Vũ Ngọc Phan		10.574.119.109	8.324.304.553	
Cộng		<u>10.574.119.109</u>	<u>8.324.304.553</u>	
12. Đầu tư vào công ty con		<u>Số cuối Năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cty TNHH MTV Phần mềm & Truyền thông (1)				1.500.000.000
Cty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (2)		1.000.000.000		1.000.000.000
Cộng		<u>1.000.000.000</u>		<u>2.500.000.000</u>
<p>(1). Công ty TNHH MTV Phần mềm và Truyền thông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104000350 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 02 năm 2006. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký là 1.500.000.000 đồng Việt Nam. Trụ sở tại tầng 4 số 31B/151A, phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của công ty mẹ là 100%. Hiện tại Công ty này đã chấm dứt kinh doanh.</p>				
<p>(2). Công ty TNHH Dịch vụ Phần mềm Infonet được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0105316113 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 18 tháng 05 năm 2011. Theo đó, vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng Việt Nam. Trụ sở tại phòng 501 toà nhà Infonet số 33 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của công ty mẹ là 100%.</p>				
13. Chi phí trả trước		<u>Số cuối Năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Chi phí trả trước dài hạn khác		111.478.746	59.116.289	
Cộng		<u>111.478.746</u>	<u>59.116.289</u>	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán	Số cuối Năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	44.300.724.571	44.300.724.571	35.576.322.015	35.576.322.015
Công ty TNHH MGE UPS SYSTEMS Việt Nam	452.208.886	452.208.886	452.208.886	452.208.886
Turaz.,Ltd	3.698.578.113	3.698.578.113	3.883.416.000	3.883.416.000
BLITZ IT CONSULTANTS PTE LTD	-	-	145.307.500	145.307.500
ECI telecom LTD	162.671.980	162.671.980	256.000.070	256.000.070
EZY infotech PTE.LDT	1.708.500.456	1.708.500.456	1.709.250.456	1.709.250.456
ROYAL ASIA (GROUP) LIMITED	1.794.686.991	1.794.686.991	1.795.474.826	1.795.474.826
Starview International Pte Ltd	7.957.516.890	7.957.516.890	7.961.010.093	7.961.010.093
Specialised Products	-	-	2.020.392.754	2.020.392.754
Công ty TNHH MTV giải pháp phần mềm và tích hợp hệ thống Tinh Vân	1.833.896.400	1.833.896.400	4.279.091.600	4.279.091.600
Công ty CP đầu tư và xây lắp kỹ thuật hạ tầng	2.221.637.910	2.221.637.910	10.998.318.870	10.998.318.870
Công ty tin học MIMI	1.779.317.054	1.779.317.054	-	-
Công ty Cổ phần FINTECHVIET	720.000.000	720.000.000	-	-
Công ty cổ phần xây dựng - thương mại và dịch vụ kỹ thuật Trường Anh	915.225.567	915.225.567	-	-
Công ty TNHH hệ thống tin học viễn thông NDS	6.758.638.370	6.758.638.370	-	-
Công ty TNHH tin học viễn thông Song Việt	542.257.650	542.257.650	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và giải pháp mạng Bảo Ngọc	636.634.764	636.634.764	-	-
Ingram Micro Asia Ltd	5.474.986.204	5.474.986.204	-	-
MATERIAL NETWORKS ASIA	2.943.150.033	2.943.150.033	-	-
TELCOM NETWORKS ASIA	3.235.417.684	3.235.417.684	-	-
Các đối tượng khác	1.465.399.619	1.465.399.619	2.075.850.960	2.075.850.960
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	44.300.724.571	44.300.724.571	35.576.322.015	35.576.322.015

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

15. Người mua trả tiền trước	Số cuối Năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	19.974.504.373	57.560.105.500
Công an tỉnh Ninh Bình		18.800.000.000
Cục tin học nghiệp - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật -BCA	5.766.782.007	5.766.782.007
Trường đại học Phòng cháy chữa cháy		10.307.975.880
Ngân hàng TMCP Quân Đội		9.530.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		5.052.800.000
Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ PSIV	4.768.335.000	4.768.335.000
Học viện chính trị công an nhân dân		2.580.000.000
Tập đoàn Vingroup		753.812.613
Cục tài vụ - Quản trị	7.985.387.366	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.454.000.000	-
Chi nhánh Công ty	50.000.000	
Cộng	20.024.504.373	57.560.105.500

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <Xem chi tiết tại phụ lục số 02>

17. Chi phí phải trả

	Số cuối Năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a/ <i>Ngắn hạn</i>	-	-	356.601.292	356.601.292
Lãi vay phải trả NH TMCP Quân Đội		-	356.601.292	356.601.292
Cộng	-	-	356.601.292	356.601.292

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối Năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp khác	365.322.134	311.976.155
CN Cty TNHH DV giao nhận hàng hóa Mặt trời toàn cầu	-	156.421.990
CN Cty TNHH TM & DV Song Bình-TT CPN Phía Bắc	-	26.291.070
Công ty CP du lịch và hợp tác Quốc Tế Việt	-	52.114.000
Tổng công ty bảo hiểm PVI	3.726.395	34.501.358
Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội - Hàng không	313.385	313.385
Cục thuế thành phố Hà Nội	40.719.352	40.719.352
Ông Hoàng Văn Trường	9.500	9.500
Ông Nguyễn Đức Trường	1.605.500	1.605.500
INFONET - HDQT & BKS	315.600.000	-
Phải trả phải nộp khác	3.348.002	-
Cộng	365.322.134	311.976.155

19. Vay và nợ thuê tài chính <Xem chi tiết tại phụ lục số 03>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

20. Vốn góp chủ sở hữu

20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 04>

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong Năm	-	-
Vốn góp giảm trong Năm	-	-
Vốn góp cuối Năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

20.3 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	716.630	716.630
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	716.630	716.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	7.283.370	7.283.370
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.283.370	7.283.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

20.4 Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	33.011.828.236	27.577.384.062
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.248.499.290	1.886.203.012
Cộng	35.260.327.526	29.463.587.074

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.004.637.762	446.137.417.351
Cộng	391.004.637.762	446.137.417.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.004.637.762	446.137.417.351
Cộng	391.004.637.762	446.137.417.351
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNGĐịa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho năm tài chính
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	356.541.311.706	405.821.328.589
Cộng	356.541.311.706	405.821.328.589
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Công ty	1.970.121.777	599.464.695
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	207.949.916	426.149.670
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.286.756	173.315.025
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.613.778.328	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	116.106.777	-
Chi nhánh công ty	5.198	-
Cộng	1.970.126.975	599.464.695
6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.562.429.943	5.155.052.834
Lỗ do chênh lệch tỷ giá thực hiện trong kỳ	655.168.183	1.419.992.612
Lỗ do chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	123.544.314	418.743.979
Chi phí tài chính khác	205.470.349	-
Cộng	4.546.612.789	6.993.789.425
7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	-	90.973.218
Tiền thưởng tiêu thụ hàng hoá của khách hàng	-	4.986.748.988
Thu nhập khác	46.514	-
Cộng	46.514	5.077.722.206
8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Thuế nộp chậm, phạt, truy thu	3.977.231	165.955.540
Phạt vi phạm hợp đồng	310.457.384	426.402.760
Xử lý công nợ	-	60.005
Cộng	314.434.615	592.418.305
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	10.025.572.786	9.299.075.375
Các khoản điều chỉnh tăng	1.276.837.430	2.403.187.484
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	1.029.623.169
Tổng thu nhập chịu thuế:	11.302.410.216	10.672.639.690
Thuế suất thuế TNDN:	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	2.260.482.043	2.134.527.938
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	-	-
Thuế TNDN phải nộp	2.260.482.043	2.134.527.938

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

VIII. Những thông tin khác:

1. Công cụ tài chính:

1.1. Quản lý rủi ro:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.
Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối Năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.395.753.129	28.009.009.393
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	165.772.010.650	153.324.216.142
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.114.815.500	18.701.004.155
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	1.000.000.000	2.500.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-
<i>Công nợ tài chính</i>		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	43.791.750.570	89.567.489.803
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	44.666.046.705	35.888.298.170
Công nợ tài chính khác	-	-

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của cùng cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	43.791.750.570	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	44.666.046.705	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-

2. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet	Công ty con
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thù lao của các thành viên chủ chốt	Năm này	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	348.000.000	348.000.000

3. Báo cáo bộ phận

A. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động kinh doanh trong cùng một môi trường địa lý và trong cùng một phạm vi môi trường kinh tế nên không có sự khác biệt về điều kiện, chính trị, địa lý như đã nêu trong chuẩn mực.

B. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần công nghệ Mạng và Truyền thông là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu theo mã ngành thông tin và truyền thông. Các hoạt động đầu tư kinh doanh khác không có.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPAHANOI.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

6. Những thông tin khác

6.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	84,97	88,70
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	15,03	11,30
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46,53	58,58
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,47	41,42
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,15	1,71
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,88	1,60
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,31	0,15
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,56	2,08
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,99	1,61
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3,75	1,46
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,91	2,17

6.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh



Nguyễn Thị Hoa

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÀNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

09. Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	-	313.349.419	3.064.924.479	1.499.843.786	4.878.117.684
- Mua trong kỳ	-	-	-	2.697.577.938	2.697.577.938
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	313.349.419	3.064.924.479	4.197.421.724	7.575.695.622
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	313.349.419	2.661.628.488	1.231.734.786	4.206.712.693
- Khấu hao trong kỳ	-	-	239.786.718	182.026.509	421.813.227
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	313.349.419	2.901.415.206	1.413.761.295	4.628.525.920
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	-	403.295.991	268.109.000	671.404.991
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	163.509.273	2.783.660.429	2.947.169.702

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

16a,b. Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	106.930.643	-	39.000.514.415	35.624.474.248	2.601.697	3.271.711.221
Thuế xuất nhập khẩu	27.632.873	-	15.146.426	15.146.426	27.632.873	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.058.762	-	2.376.593.431	1.639.886.039	-	694.648.630
Thuế thu nhập cá nhân	-	198.413.779	491.959.552	444.791.551	-	245.581.780
Các loại thuế khác	-	-	6.308.519	6.308.519	-	-
Cộng	176.622.278	198.413.779	41.890.522.343	37.730.606.783	30.234.570	4.211.941.631

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017**Phụ lục số 03: Tình hình tăng, giảm và khả năng trả nợ vay**

Vay ngắn hạn	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Quân Đội_CN Hoàng Quốc Việt (1)	30.499.439.310	30.499.439.310	78.579.415.928	122.686.288.044	160.703.268.772	81.808.731.298	43.373.196.038	81.808.731.298
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam_CN Đống Đa (2)	8.843.871.260	8.843.871.260	22.843.194.469		32.938.638.029	18.939.314.820		18.939.314.820
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam_CN Hoàn Kiếm (3)	4.448.440.000	4.448.440.000	21.263.677.647		36.311.458.087	19.496.220.440		19.496.220.440
Vay dài hạn	-	-	193.269.139		7.952.027.644	7.758.758.505		7.758.758.505
Ngân hàng TMCP Quân Đội_CN Hoàng Quốc Việt (4)	-	-	193.269.139		7.952.027.644	7.758.758.505		7.758.758.505
Cộng:	43.791.750.570	43.791.750.570	122.879.557.183		168.655.296.416	89.567.489.803		89.567.489.803

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 82020.16.056.631182.TD ngày 01/11/2016 với hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là: 150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 260.15.056.631182.TD ngày 27/07/2015 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị, phần mềm của khách hàng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/11/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên là Giấy CN QSD đất, quyền SH nhà và các tài sản khác tại 33 Vũ Ngọc Phan - Hà Nội. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 30.499.493.310 VND

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 29-2017/HDCVTL/NHCT126 ngày 27/04/2017 với số tiền là: 1.524.417.510 đồng với mục đích thanh toán tiền mua thiết bị mạng theo HĐKT số 17HANSĐ0327 ngày 29/3/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 8.843.871.260 VND

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2440083/HĐTD ngày 04/10/2016 với hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền là: 150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 01/2015/2440083 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành: bảo lãnh, L/C, thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/09/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 4.448.440.000 VND

(4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng số 33548.16.056.631182.TD ngày 08/06/2016 với số tiền là: 7.300.000.000 đồng với mục đích: thanh toán chi phí đầu tư xây dựng trụ sở Công ty tại địa chỉ thửa đất số A5+A6 từ bản đồ 6E-II-29 số 33 Phố Vũ Ngọc Phan phường Láng Hạ, quận Đống Đa Hà Nội, thời hạn vay 60 tháng. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định theo văn bản nhận nợ của khách hàng.

- Không còn số dư tại ngày 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Phụ lục 04: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	(5.233.803.523)	21.569.439.736	1.485.673.390	32.601.855.699	130.423.165.302
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.164.547.437	7.164.547.437
- Tăng khác	-	-	6.007.944.326	400.529.622	1.040.764.529	7.449.238.477
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	8.433.551.148	8.433.551.148
2. Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	(5.233.803.523)	27.577.384.062	1.886.203.012	32.373.616.517	136.603.400.068
3. Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	(5.233.803.523)	27.577.384.062	1.886.203.012	32.373.616.517	136.603.400.068
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.765.090.743	7.765.090.743
- Tăng khác	-	-	5.434.444.174	362.296.278	-	5.796.740.452
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	5.796.740.452	5.796.740.452
+ Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	5.434.444.174	5.434.444.174
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	-	-	362.296.278	362.296.278
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	1.467.185.112	1.467.185.112
4. Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	(5.233.803.523)	33.011.828.236	2.248.499.290	32.874.781.696	142.901.305.699

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)